

**BẢNG SO SÁNH VÀ LÝ GIẢI ĐÚNG/SAI GIỮA HAI BẢN DỊCH VIỆT VĂN
KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG
GIÁC**

1. Của lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm (mạo danh HT. Thích Đức Niệm) và cư sĩ Minh Chánh
2. Của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang)

Lời nói đầu:

Bảng so sánh này làm ra nguyên là của một vị lão Hòa Thượng hơn 70 tuổi tu Tịnh Độ, là sư phụ của tôi.

Nhân duyên tôi nhận được bảng so sánh này từ em trai tôi cũng là một cư sĩ. Cách đây không lâu, cư sĩ lên thăm Hòa Thượng và mang về một tờ giấy so sánh hai bản dịch Việt văn kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) rất chi tiết. Cư sĩ vui mừng hơn hở, bèn kể cho tôi biết.

Cư sĩ được nghe Hòa Thượng nói về sự chính xác của bản Việt văn kinh Vô Lượng Thọ do Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang dịch mà từ trước tới nay chưa có bản Việt dịch nào làm đến được như vậy. Tôi biết không ít người đã gắng công dịch bộ kinh này từ Trung văn ra Việt văn; tôi đã thấy qua hơn 10 bản dịch, không biết rằng số bản dịch tôi chưa được thấy còn nhiều đến bao nhiêu? Những bản Việt dịch ấy đa số đều do một mình dịch giả tự lợ mợ làm lấy và phổ biến.

Trong số các bản Việt dịch đó thì có một bản Việt dịch hiện nay được lưu thông rộng rãi nhất so với các bản Việt dịch khác; nhưng thật đáng tiếc là bản Việt dịch này có khá nhiều sai sót trong khi dịch từ Trung văn sang Việt văn kể cả sai về câu chữ lẫn sai về nghĩa lý bộ kinh.

Nhân đây, tôi cũng xin dùng chút hiểu biết cạn cợt mà chứng minh rằng lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm ngài không dịch bản kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) với mong muốn giữ gìn trọn vẹn danh tiếng, đức hạnh và sự sáng suốt của một bậc lão tăng chân thật tu hành - chân thật đã được vãng sanh Cực Lạc.

Tôi nhận thấy rằng nhờ bảng so sánh tỉ mỉ này mà một bản kinh Vô Lượng Thọ dịch ra tiếng Việt chuẩn xác nhất sẽ được lưu thông thật nhanh chóng, thật

manh mẽ, rộng khắp mọi nơi; tránh được sự nghi ngờ khi hành giả đọc, tụng, giảng giải: “Bản dịch nào mới là đúng?” hoặc “Bản kinh mình đang đọc, tụng, nghiên cứu, giảng giải đã thật đúng chưa?”. Vì khi người đọc hiểu sai ý chỉ bộ kinh này cho đến hiểu sai một câu chữ; hoặc phát sanh tâm nghi ngờ thì đều làm mất đi lợi ích vô cùng to lớn đối với sự vãng sanh ngay trong đời tu hành này của hành giả.

Do vậy, tôi nghĩ phải đánh máy lại cẩn thận bằng so sánh này và phổ biến rộng khắp cho chư vị đồng tu, để ai ai cũng đều có trách pháp nhãn phân biệt được phải trái, đúng sai, thiện ác một cách rõ ràng.

Tôi chỉ nguyện lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ đến được với chư vị đồng tu một cách viên mãn nhất có thể, mong đem được công sức của những bậc hiền nhân đã khổ công dịch chính xác ra Việt văn bộ kinh Vô Lượng Thọ này, cũng như của những bậc hiền nhân đã bỏ tâm sức chỉ bày cho mọi người nhìn được chỗ sai mà sửa đổi lại cho thành đúng; mong rằng mọi người đều có được bản kinh Vô Lượng Thọ Việt dịch dịch đúng pháp dịch kinh, đúng về văn tự, văn tự tao nhã và quan trọng hơn hết là đúng về nghĩa lý, tông chỉ của bộ kinh Vô Lượng Thọ giúp cho chư vị đồng tu an tâm mà dựa vào kinh văn hành trì, rảo bước trên đường về Cực Lạc.



Một số điều tôi nhận thấy, lý giải được khi đọc bản so sánh và muốn chia sẻ với chư vị đồng tu Tịnh Độ:

1. Tại sao bản kinh Vô Lượng Thọ mà lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch là đúng pháp dịch kinh?

“Vì dịch kinh phải tuân theo quy củ xưa, nhất định không thể một hai người độc lập dịch một bộ kinh. Như ở tại Trung Quốc ngày xưa dịch kinh thì đều do tập thể cùng nhau làm, phàm hề dịch một bộ kinh, thì phải lập ra pháp hội, thỉnh giảng sư đến giảng bộ kinh này, tất cả người dịch thầy đều tham gia nghe giảng, chân thật hiểu, thật tường tận rồi mới khởi bản thảo, có nghi hoặc lập tức phải hỏi ngay. Sau khi dịch xong bản thảo, phải đọc cho mọi người nghe xem đại chúng có ý kiến gì không? Có từ ý nào hay hơn không để nhuận văn, tu đính, làm cho bản dịch được tận thiện tận mỹ, khiến mọi người khi tiếp xúc quyển kinh đều có thể sanh tâm hoan hỷ.

Cho nên bản dịch không nên do một hai người làm, mà nên do một tập thể làm. Chúng ta thường xem thấy trên các bộ kinh dịch ra đều có tên một người phiên dịch ở đề kinh, thực ra người trên đề kinh là chủ biên trong đạo tràng dịch kinh đó, không nhất định phải do ông ấy dịch, phải nêu tên tuổi ông ấy để gánh trách nhiệm đối với bản dịch này, cũng nhằm chứng minh bản dịch này không sai, có thể lưu thông, được pháp hội dịch kinh đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Lịch sử ghi chép dịch trường của pháp sư Cưu Ma La Thập có hơn 400 người, dịch trường của pháp sư Huyền Trang có hơn 600 người.”

(Trích giảng kinh Vô Lượng Thọ khái giảng lần thứ 10 tại Hội Phật giáo Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba - Phần 21 – Pháp sư Tịnh Không giảng)

Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang ở số 116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, Sài Gòn và lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh ngài là Viện chủ.

Dịch trường này đã dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ tuân theo đúng pháp dịch kinh:

*Khi dịch trường Huệ Quang khởi dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) thì đã được rất đông các vị có trình độ Trung văn Phật học uyên bác tham gia, ít nơi nào có được và lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh được hiểu là chủ biên trong đạo tràng dịch bộ kinh này từ Trung văn ra Việt văn. Ngoài tên hiệu của lão Hòa Thượng chủ biên ra, tôi cũng muốn ghi vào trang giấy này

thật dài tất cả tên hiệu của những vị đã tham gia dịch bộ kinh ấy với mong muốn chư vị đồng tu Tịnh Độ đều biết đến mà cảm được cái ân sâu, nhưng tôi không được sự đồng ý.

* Khoảng thời gian đạo tràng này bắt đầu dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) ra Việt văn: tôi được nghe lão Hòa Thượng làm ra bản so sánh này nói rằng bản thảo của bộ kinh đã dịch xong từ trước năm 2012 rất lâu rồi, không chính xác là được mấy năm nữa. Sau khi dịch xong bản thảo, vì dịch trường Huệ Quang còn phải ra công tử mĩ, cẩn thận chỉnh sửa, nhuận văn, tu đính bản thảo rất nhiều nên mãi đến năm 2012 mới có bản in lần đầu tiên; tuy vậy, bản dịch lần đầu tiên này vẫn mang một số sai sót; cũng lại phải trải qua nhiều lần ra công tử mĩ, cẩn thận chỉnh sửa, nhuận văn, tu đính khá nhiều nữa thì đến năm 2014 mới hoàn thành; lúc đã dịch hoàn chỉnh được bộ kinh, có người hỏi lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh rằng: “Hòa Thượng có chỉnh sửa gì thêm nữa không ạ?”, ngài nói rất quả quyết làm ai nấy đều vui mừng: “Không chỉnh sửa gì thêm nữa!”.

*Bản thân tôi chỉ là một cư sĩ tu hành Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc mà cũng tìm nghe giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) rồi, thì không có lý gì mà những vị dịch giả trình độ Trung văn Phật học uyên bác kia, khi dịch một pháp bảo quý báu nhất của chư Phật trao cho chúng sanh lại khinh suất việc này được!

*Lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh cũng từng nói với lão Hòa Thượng làm ra bản so sánh này rằng: “Nếu bây giờ cho chúng tôi dịch lại bộ kinh này, thật sự chúng tôi không thể dịch đến được như vậy nữa, đó toàn là nhờ chư Phật gia hộ, vì có những từ ngữ mà bây giờ muốn tìm lại cũng không biết là lúc đó đã tìm ở đâu ra!”. Chư vị đồng tu nên biết, đại lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh khi phiên dịch kinh điển ra Việt văn, có những từ ngữ ngài đã tìm trong cả gần 10 cuốn đại từ điển Phật học với mong muốn bản kinh dịch ra được tận thiện tận mỹ nhưng cũng chưa thể tìm thấy, mới biết rằng có được một bản kinh Việt dịch hoàn hảo thật sự quý giá vô cùng; tâm sức của những vị hết lòng phiên dịch kinh điển ra Việt văn theo đúng pháp dịch kinh ấy không thể dùng lời lẽ nào nói cho hết được.

2. Tại sao nói lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm không dịch bản kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư): lão Hòa Thượng ngài là một bậc đức cao vọng trọng trong tông Tịnh Độ Việt Nam, thông hiểu

pháp môn Tịnh Độ, ngài cũng rất nổi tiếng cả trong và ngoài nước. Trong cuộc đời hoàng dương Phật pháp của ngài có những tác phẩm sau:

1. Câu Xá Luận Cương Yếu (Dịch 1985)
2. Kinh Bảo Tích Giảng Giải (Dịch và giải 1986)
3. Phật Pháp Yếu Nghĩa (Biên soạn 1988)
4. Lược Truyện Tiền Thân Đức Phật (Soạn dịch 1988)
5. Tại Gia Bồ Tát Giới (Soạn dịch 1989)
6. Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận (Soạn dịch 1989)
7. Kinh Thắng Man Giảng Giải (Dịch giải 1990) 8. Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng (Soạn dịch 1991)
8. Người Muôn Thuở (Sáng tác 1996)
9. Những Mùa Vu Lan (Sáng tác 1996)
10. Cho Trọn Mùa Xuân (Sáng tác 1996)
11. Kinh Kim Cang Bát Nhã Giảng Luận (Dịch 1997)
12. Tâm Kinh Yếu Giải (Dịch 1998)
13. Thiện Tài Cầu Đạo (Soạn dịch 1998)

Trong tất cả các tác phẩm của ngài không có ghi kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư hay bất kỳ một nguyên bản Trung văn kinh Vô Lượng Thọ nào khác). Lão Hòa Thượng học cao nên lối hành văn khá hay, nếu chư vị nào đã đọc các tác phẩm của ngài sẽ thấy rõ; nhưng bản Việt dịch này kinh văn lại dịch khá lủng củng, khá thô, đọc thấy hơi buồn cười, ví dụ như: “...nhục nhãn thì so đo...” (Chương 30, trang 88), “...dung cách trùm cả thái hư...” (Chương 32, trang 93), “...không ngoài tình dục...” (Chương 33, trang 97).v.v...

Hơn nữa, một bậc lão Hòa Thượng thông hiểu Tịnh Độ như ngài; không có lý do gì khi dịch bộ kinh quan trọng nhất trong tất cả các kinh điển của Tịnh Độ lại dịch đối nghịch với nghĩa lý của những tác phẩm mà ngài đã trước tác ra để chỉ dạy cho người khác về Tịnh Độ.

3. Trước khi đi vào so sánh và lý giải, kẻ ngu tôi không biết nói gì, xin mượn lời của lão Hòa Thượng thượng Duy hạ Lực đại diện cho pháp hội dịch bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm của ngài nói lời mở đầu bộ kinh, trong lời mở đầu của bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm, ngài nói rằng: “Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại, văn ngôn đời xưa quá xúc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói ‘đọc chỗ chẳng có chữ’ là vậy. Chúng tôi gặp

những trường hợp này thì thêm lời vào nhằm sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn. Những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng lại không thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm. Chúng tôi muốn tránh chỗ tối nghĩa để cho người đọc dễ hiểu nên chẳng chú ý đến sự trau chuốt lời văn xin đọc giả từ bi hoan hỷ cho.”.

4. Trong bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh có đoạn như sau:

“CHƯƠNG HAI

VÃNG THEO ĐỨC HẠNH BỒ-TÁT PHỔ HIỀN

Lại có mười sáu chánh sĩ bồ-tát làm bậc thượng thủ, các vị ấy là, ngài Thiện Tư Duy, ngài Huệ Biện Tài, ngài Quán Vô Trụ, ngài Thần Thông Hoa, Hiền Hộ, Quang Anh, Bảo Tràng, Trí Thượng, Tịch Căn, Tín Huệ, Nguyễn Huệ, Hương Tượng, Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hành, Giải Thoát.”

Tại sao lão Hòa Thượng ngài lại để ngài Thiện Tư Duy lên đầu kinh văn, trong khi nguyên bản Trung văn là ngài Hiền Hộ?

Điều thứ nhất: là điều quan trọng nhất

Danh hiệu Hiền Hộ ngụ ý Như Lai khéo hộ niệm các bồ-tát. Sáu chữ hồng danh Nam Mô A-di-đà Phật dùng độ khắp ba căn, giải thoát cho tất cả chúng sanh, là ý nghĩa của chữ Hiền Hộ, đây là tha lực. Danh hiệu Thiện Tư Duy biểu thị sự hiểu biết trọn vẹn, tin sâu trí huệ của Phật, lại còn biểu thị: bồ-tát Pháp Tạng lúc còn tu nhân, phải tư duy trong năm kiếp mới kết thành 48 đại nguyện. (Trích ý trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ)

Trong kinh, Thế Gian Tự Tại Vương Tôn Phật giảng nói kinh pháp cho bồ-tát Pháp Tạng như sau: “...Ông tư suy nghĩ, tu phương pháp nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Phương pháp tu hành, ông nên tự biết, cõi nước trong sạch của các đức Phật, ông tự chọn lấy...” (Chương 5 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh); “Ông tự suy nghĩ” khi phiên âm Hán-Việt là “Nhữ tư tư duy”, cũng nằm trong ngụ ý của danh hiệu Thiện Tư Duy, đây là tự lực. Ở đây, đức Phật dạy bồ-tát Pháp Tạng trước tiên phải tự mình thiện tư duy, cũng có thể nói Phật dạy bồ-tát Pháp Tạng phải tự lực trước.

Trong kinh, Bồ-tát Pháp Tạng lại tiếp tục cầu Thế Tụ Tại Vương Tôn Phật: “*Nghĩa này rộng lớn, lại quá sâu xa, không phải cảnh giới của con chứng được. Xin nguyện Như Lai, bậc hiểu biết khắp, nói về vô lượng cõi nước vi diệu của các đức Phật. Nếu con được nghe, con sẽ suy xét, tu tập thành tựu lời nguyện cầu này.*” (Chương 5 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh); vì bồ-tát Pháp Tạng tự lực của mình không thể nào thâm nhập được cảnh giới chư Phật nên nguyện nhờ ở tha lực của đức Phật giúp cho, cũng chính là ngụ ý của danh hiệu Hiền Hộ.

“**Tự lực, tha lực vốn bất nhị**; người chịu nhờ cậy vào tha lực thì mới có thể sanh nổi lòng tin trong sạch nơi pháp khó tin này; khó tin mà tin nổi lại toàn là do trí huệ vô thượng chính ở nơi người đó, đó lại chính là tự lực. Chỉ cần tin nhận, thật thà niệm Phật thì tự nhiên Năng – Sở đều mất; tự tánh hiện bày rõ ràng, từ Sự trì đạt đến Lý trì, tâm phàm phu biến thành tâm Phật.” (Trích ý trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ)

Nếu đã nói tự lực và tha lực vốn không hai, danh hiệu Thiện Tư Duy và Hiền Hộ là một thì lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh đặt danh hiệu ngài Thiện Tư Duy bồ-tát lên đầu tiên là dịch rất chính xác, là dịch không sai một chút nào, đúng theo tông chỉ bộ kinh; hay có thể nói danh hiệu ngài Hiền Hộ bồ-tát đặt lên đầu tiên hoặc danh hiệu ngài Thiện Tư Duy bồ-tát đặt lên đầu tiên không có gì khác nhau cả.

Tôi cũng cho rằng đây là bản Việt dịch khế hợp mọi mặt với người tu Tịnh Độ Việt Nam chúng ta; chư Phật muốn chúng ta phải tự lực bản thân mình cố gắng nhiều hơn nữa trên đường đi về Cực Lạc, “...phải nên tin tưởng, trông các căn lành, thường phải tu tập, đừng để nghỉ trệ mà thành tù ngục trong núi châu báu...” (Chương 5 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh). Trong tâm tôi nghĩ, bản dịch này đối với người tu Tịnh Độ Việt Nam còn chỉ bày điều quan trọng nhất là: chư Phật muốn đồng tu Tịnh Độ Việt Nam chúng ta phải “Thiện Tư Duy” để có trách pháp nhãn nhìn thấu mà chọn ra một tấm bản đồ chỉ đường (bản Việt dịch) chính xác nhất giúp chúng ta đời này chắc chắn vãng sanh Cực Lạc; nhìn thấu được đâu là chánh – tà, thiện – ác mới có thể hộ trì (Hiền Hộ) được Phật pháp không bị lầm lẫn; không hồ đồ tự mình biến thành quyến thuộc của ma đi phá hoại Phật pháp.

Điều thứ hai: “Thiện Tư Duy” là 3 chữ, thêm chữ “ngài” là thành 4 chữ; “Huệ Biện Tài” và “Quán Vô Trụ” cũng 3 chữ, cũng thêm chữ “ngài” thành 4 chữ; “Hiền

Hộ” là 2 chữ, thêm “Quang Anh” 2 chữ nữa là thành 4 chữ; cứ như vậy đọc rất thuận. Vì ở đây lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch theo âm vận khi đọc là 4 chữ một – 4 chữ một, điều này sẽ giúp cho người đọc và người nghe dễ dàng thâm nhập kinh văn khi đọc tụng, cũng rất dễ thuộc lòng bộ kinh; bản dịch sẽ đạt được nhiều lợi ích to lớn đối với người đọc và người nghe.

Điều thứ ba: 16 chánh sĩ bồ-tát đó đều là bậc thượng thủ của hàng bồ-tát tại gia, đều bình đẳng như nhau trong pháp hội thì đặt danh hiệu bồ-tát Thiện Tư Duy lên đầu tiên là không sai; cũng giống như ngài Phổ Hiền, Văn Thù đều là thượng thủ trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật vậy (Trích ý theo sách Hội Sớ và Bình Giải).

5. Điều sai quan trọng nhất ở bản Việt dịch chưa chính xác này là sai về nghĩa lý, tông chỉ của bộ kinh: Nếu ví bộ kinh Vô Lượng Thọ như tám bản đồ đi về Cực Lạc, hành giả cứ lần theo kinh mà hành thì sẽ vãng sanh. Vậy thử hỏi bản đồ sai thì hành giả đi có đến được đích không? Có đảm bảo an toàn không bị lạc vào chỗ nguy hiểm trên đường đi không? Thế thì dùng bản kinh dịch chưa chuẩn xác gây họa hại đến nhường nào?

Trong tất cả các chương có sự sai sót thì chương 6 (nói về 48 đại nguyện của A Di Đà Phật) lại có nhiều sự sai sót nhất, thật đáng tiếc lắm.

Ở đây, xin nêu ra 4 sự so sánh làm dẫn chứng cơ bản, sẽ đi từ lỗi sai nhỏ đến lỗi sai lớn, còn bảng so sánh chi tiết xin chư vị đồng tu nghiên cứu ở dưới:

1. Trong chương 10 của bộ kinh, bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch: “Nghe Phật nói về Phật A-di-đà lúc làm bồ-tát cầu được nguyện này, vương tử Xà-thế, năm trăm trưởng giả lòng rất vui mừng, mỗi vị đều cầm một chiếc lọng vàng cùng đến trước Phật, đánh lễ dâng lọng.”; còn bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là “một bó hoa bằng vàng”.

Bản Trung văn của đoạn kinh này như sau: 佛說阿彌陀佛為菩薩求得是願時，阿闍王子，與五百大長者，聞之皆大歡喜，各持一金華鬘到佛前作禮。; phiên âm Hán-Việt như sau: “Phật thuyết A-di-đà Phật vi bồ-tát cầu đắc thị nguyện thời, A Xà vương tử, dữ ngũ bách đại trưởng giả, văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đao Phật tiền tác lễ,...”.

Chữ 蓋 (“cái”) nghĩa là cái lọng báu để cúng Phật. (Trích trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của ngài Hoàng Niệm Tổ)

Chữ 華 (phiên âm La-Tinh là “huá”, chữ này có rất nhiều nghĩa: người Hoa, Hoa kiều, Trung Hoa; còn có nghĩa là phần vinh: phần hoa; rất sáng chói: hoa lệ; chỉ thời gian: thiệu hoa, niên hoa; bộ phận tinh túy nhất của sự vật: tinh hoa; vàng sáng màu xuất hiện xung quanh mặt trời, mặt trăng: nhật hoa, nguyệt hoa; ngoài ra cũng còn có nghĩa phù hoa không thực như là xa hoa; v.v... và rất nhiều nghĩa khác nữa.)

Vậy, “Nhất kim hoa cái” ở đây nghĩa là “một chiếc lọng vàng” chứ không thể dịch là “một bó hoa bằng vàng” được.

2. Khi nói về hoa sen báu của cõi Cực Lạc, bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là: “hoa sen bảy báu” (Chương 24 – trang 72 – hàng 11 từ trên đếm xuống); “trong hoa thất bảo” (Chương 40 – trang 122 – hàng 7 từ dưới đếm lên); bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch tương ứng như sau: “ao bảy báu” (Chương 24 – trang 95 – hàng 2 đến 3 từ trên đếm xuống) và “trong hoa sen báu” (Chương 40 – trang 165 – hàng 2 từ dưới đếm lên).

Xin trích đoạn từ Kinh Phật Thuyết A Di Đà (Hán dịch: Dao Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập; Việt dịch: Ban Phiên Dịch Việt Ngữ, Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, Vạn Phật Thánh Thành) nói về hoa sen báu trong ao thất bảo của cõi Cực Lạc như sau:

“Lại này Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức tràn đầy trong đó...

Hoa sen trong ao lớn như bánh xe, màu xanh có ánh sáng xanh, màu vàng có ánh sáng vàng, màu đỏ có ánh sáng đỏ, màu trắng có ánh sáng trắng, thơm ngát vi diệu.

Trong A-di-đà kinh yếu giải, Ngẫu Ích đại sư nói về hoa sen báu ở cõi Cực Lạc như sau: “Vi: hoa có hình mà không chất, toàn là ánh sáng. Diệu: các hoa đi qua lẫn nhau không chướng ngại. Hương: thơm. Khiết: vì không chất nên bụi bám vào đâu? Thai sen có 4 đức thì thân sanh ra cũng thế..”

Hoa đã nói chỉ có hình mà không chất, toàn là ánh sáng thì làm sao lại do bảy báu kết thành mà gọi là “hoa sen bảy báu” hay “hoa thất bảo” được? Như vậy dịch “hoa sen bảy báu” hoặc “hoa thất bảo” là chưa chính xác, làm người đọc hiểu sai

nghĩa lý của kinh văn.

Trong kinh có nói: “...Chúng sanh cõi đó muốn ăn thì có bát bằng bảy báu tự nhiên hiện đến...” (Chương 19 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh); chính bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đúc hạ Niệm trong chương 19 cũng dịch là: “Khi muốn ăn, chén bát bằng bảy báu tự nhiên hiện ra...”, thật vô lý hết sức, chư vị nghĩ thế nào về cách dịch này? Nếu hoa sen cõi Cực Lạc mà làm bằng bảy báu thì khác gì bát ăn cơm ở cõi đó?

Tôi tưởng tượng có một ông già, bà cả nào niệm Phật cầu sanh Cực Lạc khi đọc được đoạn kinh văn dịch sai này sẽ thốt lên rằng: “Ồ, hoa sen báu nơi cõi Cực Lạc mà tôi sẽ sanh vào cứng ngắc y chang cái bát ăn cơm bằng bảy báu trên cõi đó vậy!”.

Không chỉ một bản Việt dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đúc hạ Niệm dịch chưa chính xác mà khá nhiều bản Việt dịch khác cũng mắc lỗi vô lý như vậy, vì nguyên bản Trung văn ở chương 24 như sau: 經須臾間，即隨彼佛往生其國。便於七寶華中自然化生，智慧勇猛，神通自在。; phiên âm Hán-Việt là: “Kinh tu du gian, tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sanh, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.”; Việt dịch: “Trong khoảng chốc lát, người đó theo Phật, sanh về nước ấy, lại được hóa sanh trong ao bảy báu, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.” (Chương 24 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh).

Câu 七寶華中 (“thất bảo hoa trung”) nếu chỉ chăm chăm dịch theo câu chữ sẽ dịch như sau: 七 – thất (số 7), 寶 – bảo (báu), 華 – hoa (hoa), 中 – trung (trong); ghép lại là “hoa bảy báu”!

Như lời của lão Hòa Thượng thượng Duy hạ Lục đã nói: “Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại, văn ngôn đời xưa quá xúc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói ‘đọc chỗ chẳng có chữ’ là vậy...”; nên nếu chỉ chăm chăm vào dịch câu chữ mà không chân thật thông hiểu tường tận bộ kinh, lĩnh hội trọn vẹn sự ảo diệu trong kinh thì gây tai họa lớn lắm.

Nhân tiện trong phần này đang nói về hoa sen báu của cõi Cực Lạc, tôi xin thêm một chút ý kiến về một lỗi trong bản dịch của cư sĩ Tâm Tịnh, còn những chỗ chưa chính xác khác tôi không tiện bàn đến ở đây. Nếu cư sĩ có nhân duyên đọc

được ngu ý này xin cư sĩ hoan hỷ mà rộng lòng bỏ qua cho, như trên đã giải bày, tôi cũng vẫn chỉ mong lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ đến được với chúng sanh viên mãn nhất có thể, để một người được đọc thì một người vãng sanh, muôn người được đọc thì muôn người vãng sanh.

Ở chương 21, cư sĩ dịch như sau: “Lại hoa sen báu, đầy khắp thế giới, mỗi mỗi hoa sen, trăm ngàn ức lá, ...”; Trung văn của đoạn kinh như sau: 又眾寶蓮華周滿世界。——寶華百千億葉。; phiên âm Hán-Việt như sau: “Hựu chúng bảo liên hoa châu mãn thế giới. Nhất nhất bảo hoa bách thiên ức diệp.”

Chữ 葉 (“diệp”) ở đây nếu dịch là “lá” thì thật sự dịch rất tối nghĩa, chưa chính xác; chỗ này phải dịch là “cánh”, dịch là “Tất cả hoa đó có ngàn ức cánh...” (Chương 21 - kinh Vô Lượng Thọ - HT. Thích Minh Cảnh).

Tôi lại tưởng tượng có một ông già, bà cả nào đó niệm Phật cầu sanh Cực Lạc mà đọc được đoạn kinh có chỗ dịch chưa chính xác này sẽ thốt lên: “Ồ, hoa sen báu mà tôi sẽ hóa sanh vào đó cũng không đẹp lắm, vì xung quang toàn lá sen là lá sen, quá nhiều lá sen, vậy còn đẹp gì nữa”!!!; người học Phật lâu, có trình độ khá một chút sẽ hiểu, nhưng những người lớn tuổi và trình độ học Phật chưa cao rất có thể hiểu sai lầm như vậy lắm chứ, sao dám gọi là đã làm đến được việc bình đẳng độ chúng sanh: “độ khắp ba căn – lợi độn gồm thâu” tương ứng với nguyện lực của A-di-đà Phật trong kinh được?

Quả thật hơn 10 bản Việt dịch tôi đã thấy qua, chỉ có bản dịch do pháp hội dịch kinh mà lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh ngài chủ biên là thù thắng nhất, dịch được viên mãn nhất, một ông già, bà già hoặc người ít chữ nghĩa đọc xong cũng có thể hiểu được một cách tương đối rõ ràng, thấu đáo, không mơ hồ, không sai lầm.

3. Trước khi so sánh tiếp, tôi xin trích dẫn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn” (Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập; Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh) nói về bồ-tát Quán Thế Âm như sau:

"Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm bồ-tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm bồ-tát tức thời xem xét tiếng tâm kia, đều được giải thoát.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được,... Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu bồ-tát này liền được

chỗ cạn.

..., giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nơi nước quỉ La Sát, trong ấy nếu có nhân đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, thời các người đó đều được thoát khỏi nạn quỉ La Sát...

Nếu lại có người sắp bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, thời đao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy được thoát khỏi.

..., nghe người xưng hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, thời các quỉ dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được.

...gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát thả đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

...‘Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm bồ-tát, ...’.

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: "Nam Mô Quán Thế Âm bồ-tát!", vì xưng danh hiệu bồ-tát nên liền được thoát khỏi.”

Trong bộ kinh Vô Lượng Thọ, ở chương 28 có đoạn cuối cùng Thích Ca Mâu Ni Phật nói về bồ-tát Quán Thế Âm:

Bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch như sau: “Nếu có thiện nam, hoặc tín nữ nào ở tại thế gian bị nạn khổ gấp, chỉ cần xưng niệm bồ-tát Quán Âm thì được giải thoát.” (Trang 114 – hàng 1 đến 2 từ dưới đếm lên); còn bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là “...hướng tâm về Bồ-tát Quán Thế Âm...” (Trang 86 – hàng 5 từ trên đếm xuống).

“Xưng niệm” rõ ràng là pháp Trì Danh niệm Phật ra tiếng, khi xưng niệm Nam mô Quán Thế Âm bồ-tát là đã có đủ ý nghĩa đem thân tâm quy mạng về Quán Thế Âm bồ-tát, đồng một ý nghĩa với kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn”, còn “hướng tâm” mang ý nghĩa không rõ ràng, làm người đọc không biết mình nên hành trì như thế nào mới đúng, cũng có thể xác nhận là bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch chưa chính xác, làm người đọc hiểu chưa đúng về ý chỉ kinh văn dẫn đến hành trì sai pháp thức.

Thử hỏi nếu có người nào đọc được đoạn kinh văn dịch sai này, trong lúc người đó “bị nạn khổ gấp” như trong Phẩm Phổ Môn đã lược nói, người đó thực hành pháp mà Phật đã dạy, vì đọc phải kinh văn dịch chưa chính xác nên người đó lại

chỉ “hướng tâm” về bồ-tát Quán Thế Âm mà không “xưng niệm” danh hiệu Nam mô Quán Thế Âm bồ-tát thì kết quả sẽ như thế nào?

4. Ở chương 24, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy về ba bậc vãng sanh, bậc trung Phật nói như sau:

Bản dịch của lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch là: “Bậc trung tuy là không làm sa-môn tu công đức lớn, nhưng lại phát tâm vô thượng bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ Phật A-di-đà, tùy sức tu hành, thành tựu công đức. Giữ gìn trai giới, xây dựng chùa tháp, tô đắp tôn tượng, cúng dường sa-môn, thắp đèn treo phan, rải hoa đốt hương, đem công đức này hồi hướng nguyện sanh về cõi nước kia.” (Chương 24 – trang 95 – hàng 6 đến 7 từ dưới đếm lên).

Bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch là: “Hạng trung là những người tuy không làm sa môn, nhưng làm nhiều công đức, phát tâm Vô thượng Bồ đề, chuyên tâm niệm Phật A Di Đà. Tuy đã làm nhiều công đức giữ gìn trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường treo phan đốt đèn dâng cúng hoa hương, tất cả đều phải hồi hướng nguyện sanh về Cực Lạc.” (Chương 24 – trang 73 – hàng 3 đến 4 từ trên đếm xuống).

Tôi xin trích từ tác phẩm Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận (Soạn dịch 1989) của lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm, ngài viết như sau: “Bởi vì, người thượng phẩm thì hay chuyên tâm hệ niệm, rộng tu công đức, phụng hành lục độ, nhứt là rộng tu cúng dường bố thí. Người trung phẩm tuy không thể chuyên tâm hệ niệm rộng tu công đức mà chỉ tùy lực tùy phận, tùy mình mà làm việc thiện hồi hướng Tịnh Độ.” (Trang 75 – hàng 7 đến 12 từ dưới đếm lên).

Vậy chư vị đã thấy rõ ràng lão Hòa Thượng ngài không hề nói “Hạng trung là những người tuy không làm sa môn, nhưng làm nhiều công đức...”; hai ý này đối nghịch nhau như nước với lửa, như nóng với lạnh: một bên thì nói là phải “làm nhiều công đức”, còn một bên thì nói là “không thể rộng tu (làm nhiều) công đức”. Như vậy tôi đã chứng tỏ cho chư vị thấy ngài không hề dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) mà đã có ai đó mạo danh ngài vì ngài đức cao vọng trọng, thậm chí có thể là mượn danh ngài để mạo danh viết lời mở đầu; hoặc là họ van xin ngài viết lời mở đầu bộ kinh (vì lòng từ bi muốn lợi ích chúng sanh mà ngài làm) trong khi ngài không hề dịch.

Lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh dịch về ba bậc vãng sanh trong chương 24 như sau:

“Bậc thượng là người bỏ nhà lìa dục, làm bậc sa-môn, phát tâm bồ-đề, một lòng nghĩ nhớ đức Phật Di-đà, tu tập công đức, nguyện sanh nước đó.....”

Nếu có chúng sanh muốn ngay đời này thấy Phật Di-đà, thì nên phát tâm Vô thượng bồ-đề, lại nên chuyên nhớ về nước Cực Lạc, gom góp căn lành hồi hướng nước kia. Sau sẽ thấy Phật, sanh về nước đó, được quả bất thoái cho đến quả Phật.

Bậc trung tuy là không làm sa-môn tu công đức lớn, nhưng lại phát tâm Vô thượng bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ Phật A-di-đà, tùy sức tu hành, thành tựu công đức. ...

... .. Người đó tức thì theo hóa thân Phật mà được vãng sanh, chứng quả bất thoái cho đến quả vị vô thượng bồ-đề. Công đức trí huệ của những người này kém hơn bậc thượng.

Còn về bậc hạ, giả như không làm các thứ công đức mà lại phát tâm Vô thượng bồ-đề, một lòng nhớ nghĩ đến Phật Di-đà, vui vẻ tin ưa, không sanh nghi hoặc, thành tâm nguyện sanh về cõi nước đó. Khi những người này sắp phải mạng chung, mộng thấy đức Phật, cũng được vãng sanh. Công đức trí huệ của những người này kém hơn bậc trung.”

Chúng ta thấy ba bậc vãng sanh Phật đều dạy cách lập cái Nhân để vãng sanh thành Phật giống hệt nhau, không khác nhau ghi ngay tại phần đầu mỗi đoạn kinh văn nói về từng bậc là: phát tâm Vô thượng bồ-đề, một lòng nghĩ nhớ Phật A-di-đà và cái Quả thành tựu là: vãng sanh, chứng quả bất thoái cho đến quả Phật.

Tổ thứ 12, Triệt Ngô đại sư dạy rằng: “Thật vì sanh tử, phát tâm bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật’, mười sáu chữ này là cương tông của môn niệm Phật.”. 16 chữ này nói rằng phải phát tâm vô thượng bồ-đề làm đầu tiên (Tổ chỉ nói cận kề hơn là người mà thật sự vì luân hồi sanh tử phát ra cái tâm Vô thượng bồ-đề thì cái tâm ấy mới là tâm bồ-đề chân thật) và một lòng nhớ nghĩ đến Phật A-di-đà (tức là niệm Phật, tức là trì danh hiệu Phật; Tổ chỉ nói cận kề hơn là phải có tín sâu, nguyện thiết thì mới có thể một lòng niệm Phật được) chứ không hề nói khác bộ kinh này.

Chư vị đồng tu chắc chắn ai ai cũng biết không những Tổ thứ 12 dạy như vậy, mà từ Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư cho tới Tổ thứ 13 Ấn Quang đại sư đều dạy như vậy, hoặc lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không cũng thường dạy rằng: “Phát bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, trường kỳ huân tu” cũng là một ý này, dạy đúng theo lời

Phật dạy không dám sai sót một chút nào; chư Tổ có y lời Phật mà dạy như vậy thì chúng sanh được giáo hóa mới chân thật ngay trong một đời vãng sanh thành Phật.

Bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm, chương 24 khi nói về bậc trung, ngay lập tức nói về việc làm nhiều công đức là việc phải làm đầu tiên, làm trước nhất; đặt câu “...nhưng làm nhiều công đức...” trước câu “...phát tâm Vô thượng Bồ đề...”. Ở phía dưới, bản Việt dịch này còn nói rất rõ ràng làm nhiều công đức ở đây là làm những công đức gì nữa: “...làm nhiều công đức giữ gìn trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường treo phan đốt đèn dâng cúng hoa hương...”. Thật sự dạy người tu Tịnh Độ sai tông chỉ bộ kinh, sai tông chỉ Tịnh Độ. Cái sai này lớn lắm vì không dạy người tu Tịnh Độ vãng sanh thành Phật như Phật và chư Tổ đã dạy mà lại dạy họ đi đọa lạc luân hồi.

Tôi có nghe từ một cô Phật tử nói rằng mình nghe giảng kinh Vô Lượng Thọ từ một vị nọ rất nổi tiếng (xin phép không nêu tên hiệu vị ấy ở đây để giữ hòa khí), tôi cũng lấy làm hoan hỷ lắm, nhưng cô ấy bảo vị này giảng rằng: “Các ông, các bà đừng lo lắng, cứ làm thật nhiều công đức như: ăn chay, giữ giới, cúng tiền xây chùa, đúc tượng Phật, cúng dường cho quý sư thầy, sư cô v.v... thật nhiều, rồi hồi hướng công đức đó cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc thì các ông, các bà sẽ được vãng sanh hàng Trung phẩm đó, không phải là nhỏ đâu!”. Bất đắc dĩ lắm tôi mới phải lấy dẫn chứng cụ thể, tôi biết mình là hàng cư sĩ, không nên nói lỗi người khác; nhưng giống như đã bị dồn vào đường cùng, tôi mang ơn Phật, Phật dạy tôi một đời này vãng sanh thành Phật, cư sĩ như tôi không thể im lặng được, phải nói ra để giúp mình cùng giúp người.

Thật ra không chỉ có một vị này mà có đến một vài vị (không phải lỗi của các vị ấy) nhưng vì những vị ấy dùng bản Việt dịch này giảng dạy cho đại chúng tu Tịnh Độ nghe mới xảy ra sự việc đáng buồn đó. (Vì đề kinh ghi rõ là lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch thì dịch sai thế nào được?); có một vị rất nổi tiếng còn giờ bản Việt dịch này lên nói với đại chúng: “Các ông, các bà thấy không, lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm ngài dịch ra quyển này, ngài đã vãng sanh rồi, chúng ta phải tin tưởng”.

Đối với hạng phàm phu nghiệp nặng, chướng sâu như chúng ta thì những việc làm ấy sao dám gọi là công đức chân thật? Phải gọi đó là phước đức, như vua Lương Võ Đế ngày xưa là một Phật tử thuần thành, làm rất nhiều việc thiện, là một vị đại hộ pháp nhà Phật, vua thường tu trai giới thanh tịnh, xây dựng rất nhiều

chùa chiền, đúc tượng Phật, cúng dường trai tăng v.v...; khi gặp Tổ Đạt Ma, vua hỏi Tổ rằng: “Bản thân làm nhiều việc thiện như vậy được nhiều công đức chẳng?”, Tổ trả lời: “Không có công đức gì!”. Chư cô đức cũng nói rằng đời này tu hành mà không giải thoát nổi thì sang đời thứ hai hưởng phước do nhân tu trong đời thứ nhất, hưởng phước thì quên đi tâm tu hành giải thoát mà lại thường thích tạo nghiệp ác, đến đời thứ ba khi hưởng hết phước hữu lậu thì đọa lạc vào ba đường ác; vậy tôi nói dịch kinh sai lời Phật như vậy sẽ không dạy người ta thành Phật mà dạy người ta đi đọa lạc luân hồi cũng không sai.

Trong Chú Giải kinh Vô Lượng Thọ ngài Hoàng Niệm Tổ đã minh xác tông thú kinh Vô Lượng Thọ như sau: “Kinh này dùng phát bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm làm Tông; sanh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, chóng lên địa vị bất thoái làm Thù (Thù: nghĩa là quy thú, hướng đến, quay về).”; lại nữa, Tổ thứ 9 Ngẫu Ích đại sư cũng nói rằng: “Được vãng sanh hay chẳng đều do Tín Nguyện có hay không, phẩm vị cao hay thấp đều do công phu trì danh sâu hay cạn” thì chư vị thấy ý giảng của vị dựa vào kinh Vô Lượng Thọ bản dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch mà giảng rằng: “Các ông, các bà đừng lo lắng, cứ làm thật nhiều công đức như: ăn chay, giữ giới, cúng tiền xây chùa, đúc tượng Phật, cúng dường cho quý sư thầy, sư cô v.v... thật nhiều, rồi hồi hướng công đức đó cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc thì các ông, các bà sẽ được vãng sanh hàng Trung phẩm đó, không phải là nhỏ đâu!” thật hại người hết sức.

Đến đây đã rõ đâu là Phật, đâu là ma; đâu là chánh, đâu là tà; đâu là đúng, đâu là sai; gây nguy hại cho lợi ích của những người niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc vô cùng lớn, tôi và chư vị chắc chắn khẳng định: bản Việt dịch bộ kinh Vô Lượng Thọ (Bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư) mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm dịch đã dịch nhầm rất nhiều so với lời dạy của Phật trong kinh.

Dưới đây là bản so sánh chi tiết từng lỗi nhầm lẫn trong bản Việt dịch mạo danh lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm. Kính xin chư vị liên hữu đồng tu cùng nhau xem xét.

Lão Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm (mạo danh HT. Thích Đức Niệm) và cư sĩ Minh Chánh	Lão Hòa Thượng thượng Minh hạ Cảnh (Trung tâm dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang)
Phẩm-Trang/Hàng (↑: từ dưới đếm lên; ↓: từ trên đếm xuống)	Trang/Hàng (↑: từ dưới đếm lên; ↓: từ trên đếm xuống)
1-14/6→7 ↑: đại thánh chúng <u>tỳ kheo</u>	10/8→10 ↓: đại <u>tỳ kheo</u> ... ở ngôi đại thánh
2-15/8 ↓: mười sáu vị <u>bồ-tát tại gia</u>	11/5→6 ↓: mười sáu <u>Chánh sĩ bồ-tát</u>
2-15/2 ↑: <u>tuân theo hạnh nguyện</u>	11/3→4 ↑: <u>tu theo đức hạnh</u>
2-15/1 ↑: <u>thật hành vô lượng hạnh</u>	11/2→3 ↑: <u>đầy đủ vô lượng hạnh nguyện</u>
2-15/3 ↓: <u>làm các công đức</u>	11/1→2 ↑: <u>an trú tất cả công đức</u>
2-16/2 ↓: <u>quyên hành phương tiện</u>	11/1 ↑ và 12/2 ↓: <u>thực hành phương tiện</u>
2-16/5 ↓: <u>nguyện chúng sanh ở</u>	12/4 ↓: <u>nguyện thành Phật ở</u>
2-16/8→9 ↑: <u>người trời quy ngưỡng.</u> Chuyển bánh xe pháp	12/6→7 ↑: <u>trời người quy ngưỡng thỉnh chuyển pháp luân</u>
2-16/1 ↑: <u>Làm phép quán đảnh</u>	13/4→5 ↓: <u>lên bậc Quán đảnh</u>
2-17/3→4 ↓: <u>biểu thị vô biên công hạnh</u>	13/7 ↓: <u>thường tu vô biên các hạnh</u>
2-17/5 ↓: <u>thiên căn cho hàng bồ-tát</u>	13/8→9 ↓: <u>căn lành bồ-tát</u>
2-17/6 ↓: <u>Phật đồng đến hộ niệm</u>	13/9→10 ↓: <u>Phật cùng hộ niệm</u>
2-17/11 ↓: <u>thông đạt tánh tướng ...</u>	13/3 ↑: <u>thông đạt pháp tánh, rõ tướng ...</u>
2-18/10 ↓: <u>khai thị thật tướng vũ trụ</u>	15/2 ↓: <u>chỉ bày bờ mé chân thật</u>
2-18/10 ↑: <u>nguyên do thoát chúng sanh</u>	15/3→4 ↓: <u>an trú trong đạo cứu thế</u>
2-18/8→9 ↑: <u>với lục đạo phàm phu</u>	15/6 ↓: <u>của các chúng sanh</u>
2-18/2 ↑: <u>biểu hiện cõi mở</u>	15/6 ↑: <u>như chính thân mình</u>
2-18/1 ↑: <u>mong độ chúng sanh ...</u>	15/5 ↑: <u>cứu vớt mọi loài ...</u>
2-19/2→3 ↓: <u>được vô lượng công đức</u>	15/4→3 ↑: <u>được các công đức của vô lượng Phật</u>
3-19/6→7 ↑: <u>sáng chói như ... *thiếu: như khối vàng ròng</u>	17/5 ↓: <u>sáng rõ như khối vàng ròng</u>
3-19/6 ↑: <u>chiếu rõ ...</u>	17/7 ↓: <u>phóng ánh sáng lớn biến hóa ...</u>
3-20/4 ↑: <u>bồ thí các bậc A la hán</u>	19/4→5 ↓: <u>cúng dường các A la hán</u>
4-22/7→10 ↓: <u>Như Lai ... Phật, Thế Tôn</u> : có đến 11 danh hiệu (thừa một do trùng với một trong 10 danh hiệu)	21/9 ↓: 10 hiệu (chú thích ở trang 200)
4-22/4→5 ↑: <u>trao ngôi vua</u>	21/2→3 ↑: <u>từ bỏ ngôi vua</u>
4-24/7 ↑: <u>kiên đồng cầu Chánh giác</u>	24/8→9 ↓: <u>dũng mãnh cầu thành Phật</u>
4-24/4 ↑: <u>Cham đến được ... thanh tịnh</u>	24/5→4 ↑: <u>Cảm được cõi Phật ... thanh tịnh</u>
4-25/4 ↓: <u>quyết định kiên cố tu</u>	25/5→6 ↑: <u>luôn bền vững : kiên cố lực</u>
5-26/5 ↓: <u>súc sanh *thiếu: quỳn nhuyển loại</u>	26/1 ↑: <u>côn trùng nhỏ nhit</u>
5-27/7→8 ↓: <u>nguyện được viên mãn</u>	28/7→8 ↑: <u>thành tựu lời nguyện cầu này</u>
5-28/4→5 ↓: <u>hai mươi một vô số</u>	29/4 ↑: <u>hai mươi một câu chi (ngàn vạn)</u>
5-28/6→7 ↓: <u>thành một nước Phật</u>	29/3 ↑: <u>như một cõi Phật</u>
6-29/8→9 ↓: <u>thành đấng Chánh giác rồi cõi nước của Phật ở</u>	31/7→8 ↓: <u>nếu con chúng được Vô thượng Bồ-đề thì cõi nước con</u>
6-29/7→8 ↑: <u>ba đường ác cho đến từ địa</u>	31/4→5 ↑: <u>bị đọa địa ngục trong ba cõi ác</u>

ngục	
6-29/1→2↓: không thành <u>Chánh giác</u>	32/3→4↓: không thành <u>Phật</u>
6-30/9↓: đồng một <u>dung nhan</u>	32/8↑: <u>dung nghi đoan chánh</u>
6-32/8→9↓: mười phương chư Phật *thiếu: hơn các Phật khác	34/1→2↑: hơn các Phật khác
6-33/4↑: hết lòng <u>tin tưởng</u>	36/8↑: chí tâm tin ưa (chí tâm tín nạo)
6-34/9↑: <u>ngĩ đến con</u>	37/8→9↓: <u>xưng niêm danh hiệu của con</u>
6-35/10→11↑: *dur: lạc vào ba đường ác	38/6↑: liền được sanh về
6-35/5↑: không có <u>phu nữ</u>	38/1↑: không có <u>người nữ</u>
6-36/3→4↓: hoa sen <u>thất bảo</u>	39/10↓: hoa sen trong ao <u>bảy báu</u>
6-36/9↑: vui mừng <u>tin tưởng</u>	39/3↑: vui vẻ <u>tin ưa</u>
6-36/6→7↑: ... <u>người đời</u> ... tôn kính	39/1↑: <u>trời người</u> đều tôn kính
6-36/3↑: tu thù thắng <u>phạm hạnh</u>	40/4→5↓: tu <u>thắng hạnh</u>
6-37/10↑: tham đắm <u>thân sau</u>	40/5↑: tham chấp <u>thân thể</u>
6-38/6→7↑: độ sanh, giáo hóa ... *thiếu: mặc giáp thệ nguyện	41/2↑: mặc giáp thệ nguyện
6-39/7→11↓: ăn uống ... mãn nguyện	42/3→6↑: uống, ăn ... ý niệm thọ nhận ...
6-39/4↑: thanh tịnh <u>sáng chói</u>	43/4↓: thấy đều <u>sáng sạch</u>
6-39/2→3↑: dù có thiên nhân	43/7↓: đủ sức thiên nhân
6-39/1↑: hình sắc, <u>hình tướng</u>	43/8↓: hình sắc, <u>ánh sáng</u>
6-40/2↓: số lượng <u>chúng sanh</u>	43/8→9↓: tên gọi số lượng
6-40/9→10↓: các bậc bồ-tát <u>trung phẩm</u> cũng có thể biết rõ	43/2→3↑: bồ-tát <u>trong đó</u> ... căn lành kém ít cũng hiểu biết được
6-40/7→8↑: thấy rõ vạn tượng ...	44/4↓: thấy mặt <u>chính mình</u>
6-41/9→10↓: lâu các ao nước ... <u>trong nước</u>	45/2→3↓: lâu gác ao sen ... <u>trong cõi nước</u>
6-42/4↓: không mất <u>định ý</u>	45/2↑: không mất <u>chánh định</u>
7-43/7↓: Con lập nguyện <u>hơn đời</u>	47/7↓: Chí con lập <u>siêu thế</u>
8-46/9→10↑: kiên lập vĩnh viễn	51/7→9↑: trang nghiêm không hề suy giảm
8-47/5→7↑: bố thí ... trí huệ sáu Ba-la-mật	53/5→7↓: sáu độ : bố thí ... trí huệ
8-47/3→4↑: đạo Vô thượng <u>Chánh giác</u>	53/9↓ : <u>đạo chân chánh</u> Vô thượng
8-48/10↓: Miệng thường tỏa ...	54/3→4↓: Thân miệng thường tỏa ...
9-49/6→11↓: trong tất cả pháp mà được tự tại ... cõi Phật được	55/7→12↓: được tự tại với tất cả pháp <u>an</u> <u>tru cõi Phật</u>
9-50/2↓: <u>chỉ có một</u> nguyện	56/8→9↓: vì <u>nguyện độ sanh</u>
10-50/5→6↑: một bó hoa bằng vàng	57/8↓: một <u>chiếc long</u> vàng
20-67/2↑: <u>thổi bảy hàng</u> cây báu	86/1↑: gió <u>thổi cây</u> báu
22-70/3↓: không có <u>nhà ở riêng biệt</u>	90/4→5↑: không có <u>thủ xả phân biệt</u>
22-70/10↑: không biết rõ <u>nhân quả</u>	91/1→2↑: không thể nào biết lập <u>nhân ấy</u>
24-72/11↓: <u>hoa sen</u> bảy báu	95/2→3↓: <u>ao</u> bảy báu
24-73/3→4↓: không làm sa môn, <u>nhưng</u> <u>làm nhiều</u> công đức	95/6→7↑: không làm sa môn tu công đức lớn
25-74/3↑: Lại này A Nan! ... nghe kinh này <u>tho trì đọc tụng</u> ...	75/8↑, trước đoạn: Lại nữa A Nan! Nếu có chúng sanh <u>muốn sanh về nước kia</u> , tuy

	không siêng năng thiền định ... (xem trang 99)
26-81/8 ↑: chuyên cầu <u>ting côi</u> Phật	106/1 ↑: chuyên cầu <u>côi</u> Phật <u>ting</u>
26-81/2 ↑: thù thắng <u>vô biên côi</u>	107/7 ↓: <u>côi</u> thù thắng <u>vô biên</u>
26-82/4 ↓: lập thế <u>nguyên Bồ tát</u>	107/7 ↑: <u>Bồ tát</u> phát chí <u>nguyên</u>
26-82/5 ↓: Nguyên côi <u>này</u> không khác	107/6 ↑: Nguyên côi <u>mình</u> cũng vậy
28-85/2 ↓: lời nguyện cầu khi nào	112/7 ↑: miệng muốn nói gì
28-86/3 ↓: <u>trai</u> lành <u>gái</u> tín	113/1 → 2 ↑: thiện <u>nam</u> tín <u>nữ</u>
28-86/5 ↓: <u>hương tâm</u> về bồ-tát Quán Thế Âm	114/1 → 2 ↑: <u>xưng niêm</u> bồ-tát Quán Âm
29-87/11 ↑: <u>chỉ có một pháp</u> không có tăng thêm	116/2 → 3 ↑: <u>thường hằng như một</u> không có tăng giảm
30-88/6 ↑: nhục nhân thì <u>so đo</u>	118/4 → 5 ↑: nhục nhân <u>phân biệt</u>
30-89/5 ↑: giảng giải về <u>tứ đế</u>	120/3 → 4 ↓: biết rõ <u>tập diệt phương tiên</u>
30-89/4 → 5 ↑: không thích <u>hoc thuyết thế gian</u>	120/5 → 6 ↓: không ưa thích <u>ngôn ngữ thế tục</u>
30-90/7 ↓: không <u>nhờ</u> người khác	120/1 ↑: không <u>từ</u> người khác
31-90/5 ↑: hừng hực như lửa đốt <u>hết</u> phiền não	121/7 → 8 ↓: rực sáng như lửa đốt <u>củi</u> phiền não
31-91/3 → 4 ↓: hoa sen <u>lìa xa ô nhiễm</u>	121/1 → 2 ↑: như sen <u>không hề</u> ô nhiễm
31-91/12 ↓: <u>người vui</u> tín phục	122/8 ↑: đại chúng <u>vui vẻ</u> tuân phục
32-93/10 ↓: dung cách trùm cả thái hư	126/2 → 3 ↓: đồng với hư không
33-95/9 ↑: vì sự tranh đua (*thiếu: những chuyện không đâu)	129/4 → 5 ↓: ... những chuyện không đâu
33-95/1 ↑: nên <u>ít muốn</u> vừa đủ	129/6 ↑: vừa <u>được</u> chút ít
33-96/6 ↓: mạng chung <u>hết thở</u> không ai tránh khỏi	129/1 → 2 ↑: chết đi <u>bỏ lại</u> tất cả <u>chẳng mang theo</u> được
33-96/11 ↓: nên <u>thông cảm</u> nhau	130/6 → 7 ↓: <u>giúp đỡ</u> lẫn nhau
33-97/10 ↑: đòi trước ngu muội	131/5 ↑: người trước hung ác
33-97/1 ↑: không ngoài tình dục	132/8 ↓: tham đắm dục tình
33-98/5 ↑: ủng hộ <u>đòi</u> sau	133/1 → 2 ↑: <u>phải</u> chịu <u>sau</u> người
34-99/10 → 11 ↑: niệm Phật <u>quan trọng hơn</u>	134/1 ↑: <u>phải</u> nên niệm Phật
35-104/5 → 6 ↑: ai cầu xin gì cũng không chấp thuận	141/2 → 3 ↑: những việc đáng làm lại chẳng chịu làm
36-108/2 ↑: thấy sự chiêu cảm	147/6 ↑: Đại chúng nên biết
36-110/9 ↑: ủng hộ một đời	149/1 ↑: mất đi công phu
37-112/5 ↓: Phật <u>còn</u> tai thế	152/3 ↓: Phật <u>đi</u> đến đâu
37-112/4 ↑: <u>lên</u> chôn an lạc vô vi	152/3 ↑: được năm đức an ổn vô vi
39-119/8 → 9 ↓: <u>nuơng</u> nơi cung điện	161/9 ↓: <u>mang</u> theo cung điện
40-121/9 ↑: không thể <u>đến</u> thẳng côi	164/8 → 9 ↑: không <u>đến</u> trước Phật Vô Lượng Thọ
40-122/7 ↑: trong <u>hoa</u> thất bảo	165/2 ↑: trong <u>hoa</u> sen báu
41-124/10 ↓: được <u>giải</u> thoát	168/4 ↓: được <u>thả</u> ra

41-126/11 ↓: <u>luông đời phân biệt</u>	170/9 → 10 ↓: phân biệt <u>lầm lẫn</u>
41-127/3 → 4 ↓: dứt bỏ <u>đục tướng</u>	171/4 ↓: <u>muốn cứu vớt họ</u>
42-128/8 ↑ và 128/10 ↑: <u>đã sanh</u>	173/3 ↑ và 173/5 ↑: <u>sẽ sanh</u>
42-128/9 ↑: Bồ tát <u>sơ phát tâm</u>	173/4 ↑: Bồ tát <u>hanh nhỏ</u>
42-129/11 ↑ và 129/5 ↑: <u>đã sanh</u>	175/9 ↑ và 175/5 ↑: <u>sẽ sanh</u>
42-130/9 ↑: Bồ tát <u>đã vắng sanh</u>	175/5 ↑ và 175/2 ↑: <u>sẽ sanh</u>
42-130/3 ↑: <u>trai lành gái tín</u>	176/7 ↓: thiện <u>nam tín nữ</u>
43-132/7 → 8 ↓: không có tâm <u>sai trái</u>	177/1 → 2 ↑: không sanh <u>chống trái</u>
45-135/1 → 2 ↑: nghe <u>lời Phật</u>	183/4 → 5 ↓: nghe được <u>tên Phật</u>
45-136/3 → 4 ↓: từng <u>làm Phật sư</u>	183/7 → 8 ↑: từng <u>tu Phật đạo</u>
46-137/10 → 11 ↓: nguyện như Phật	185/5 → 6 ↓: hiểu với Phật
46-137/5 → 6 ↑: <u>kinh pháp nhiều ít nhớ kỹ</u> không quên quyết được đạo quả	185/8 → 5 ↑: không được hư vọng <u>thêm bớt</u> <u>kinh pháp</u> , thường niệm miên mật, mau chứng được đạo
47-138/6 ↓: Nếu <u>xa xưa</u> không tu	186/6 ↓: Nếu đời <u>trước</u> không tu
47-139/2 ↑: kẻ học rộng trí cả	187/1 ↑: người trí biết rộng sâu
47-140/3 ↓: Nên vui mừng hãy chuyên niệm Phật	188/4 → 5 ↓: Phải thường niệm Phật sanh hoan hỷ
47-140/4 ↓: Thọ trì <u>quyết thoát biển sanh</u> <u>tử</u>	188/3 ↑: Thọ trì <u>độ khắp chúng sanh tử</u>
48-142/4 ↓: hoa đẹp thơm <u>rưới xuống</u>	191/6 → 7 ↑: hoa đẹp <u>roi xuống</u> như mưa

